

# PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 23

Họ và tên:.....

Lớp:.....



**Câu 1: Số?**

$$24 : 4 \rightarrow \boxed{\phantom{00}} : 3 \rightarrow \boxed{\phantom{00}}$$

$$\boxed{\phantom{00}} \times 2 \rightarrow \boxed{16} : 4 \rightarrow \boxed{\phantom{00}}$$

$$5 \times 8 \rightarrow \boxed{\phantom{00}} : 4 \rightarrow \boxed{\phantom{00}}$$

$$\boxed{\phantom{00}} : 4 \rightarrow \boxed{8} \times 3 \rightarrow \boxed{\phantom{00}}$$

**Câu 2: Đồng hồ chỉ mấy giờ:**



**Câu 3: Nối các đồ vật với hình khối tương ứng:**



**Câu 4: Viết số thích hợp vào ô trống :**

|   |   |   |   |  |
|---|---|---|---|--|
|   |   | 4 |   |  |
|   |   | × |   |  |
| 8 | : | 2 | = |  |
|   |   | = |   |  |
|   |   |   |   |  |

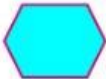
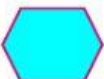
|    |   |   |   |  |
|----|---|---|---|--|
|    |   | 5 |   |  |
|    |   | × |   |  |
| 10 | : | 2 | = |  |
|    |   | = |   |  |
|    |   |   |   |  |

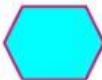
|   |   |   |   |  |
|---|---|---|---|--|
|   |   | 3 |   |  |
|   |   | × |   |  |
| 6 | : | 2 | = |  |
|   |   | = |   |  |
|   |   |   |   |  |

|   |   |   |   |  |
|---|---|---|---|--|
|   |   | 3 |   |  |
|   |   | × |   |  |
| 9 | : | 3 | = |  |
|   |   | = |   |  |
|   |   |   |   |  |

**Câu 5: Lớp 2A có 30 học sinh, được cô giáo sắp xếp ngồi thành 3 dãy. Hỏi mỗi dãy có bao nhiêu học sinh?**



Phép tính     

Mỗi dãy có  học sinh

**Câu 6: Tìm x:**

a)  $x \times 5 = 20$

x =

x =

b)  $x \times 4 = 16$

x =

x =

c)  $x \times 4 = 12$

x =

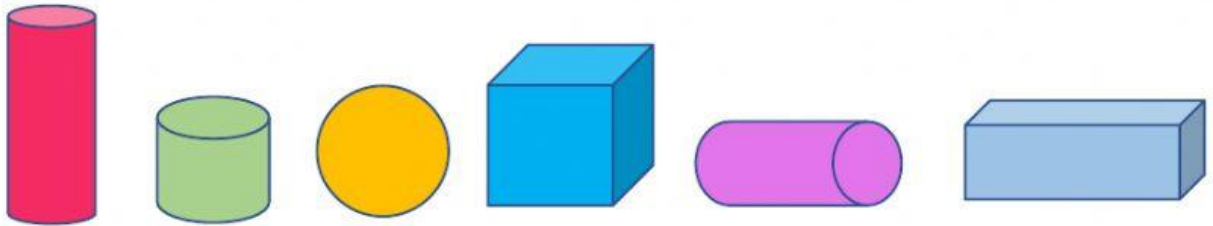
x =

d)  $x \times 3 = 12$

x =

x =

**Câu 7: Xem hình rồi trả lời các câu hỏi:**



a) Ở bên trái của khối cầu là khối gì

b) Ở bên phải của khối cầu là khối gì

c) Khối nào ở giữa khối trụ và khối hộp chữ nhật

**Câu 8: Viết kết quả phép tính vào ô trống:**

|                   |    |   |    |    |    |    |    |    |    |
|-------------------|----|---|----|----|----|----|----|----|----|
| <b>Số bị chia</b> | 10 | 8 | 25 | 16 | 35 | 28 | 32 | 50 | 40 |
| <b>Số chia</b>    | 5  | 4 | 5  | 4  | 5  | 4  | 4  | 5  | 4  |
| <b>Thương</b>     |    |   |    |    |    |    |    |    |    |

**Câu 9: Điền dấu >, <, =**

$3 \text{ cm} \times 5 - 7 \text{ cm} \bigcirc 2 \text{ cm} \times 9 - 8 \text{ cm}$

$9 \text{ kg} \times 3 + 34 \text{ kg} \bigcirc 6 \text{ kg} \times 3 + 5 \text{ kg}$

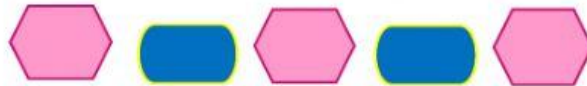
$4 \text{ kg} \times 5 - 8 \text{ kg} \bigcirc 8 \text{ kg} \times 5 - 28 \text{ kg}$

$7 \text{ cm} \times 3 - 8 \text{ cm} \bigcirc 9 \text{ cm} \times 4 - 17 \text{ cm}$

**Câu 10: Một nông trại nuôi gà có 8 chuồng gà, mỗi chuồng nhốt 2 con gà . Hỏi nông trại đó nuôi bao nhiêu con gà?**



Phép tính



Nông trại đó nuôi  con gà